

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2022/HS-ST**
Ngày: 24-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lon

Bà Lê Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hoài Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trương Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2022/HSST ngày 06 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2022, các Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/HSST-QĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 và số 12/2022/HSST-QĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phùng Tuấn H, sinh năm 1997 tại: Khánh Hòa; Nơi cư trú: T4, phường N, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Tuấn L, sinh năm 1973 và bà Ngô Thị Mỹ D, sinh năm 1977; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/10 đến ngày 31/12/2021 và từ ngày 06/01/2022 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Tấn K, sinh năm 1999 tại: Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn A, xã X, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tấn K1, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1973; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/11 đến ngày 31/12/2021 và từ ngày 06/01/2022 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Phùng Như P, sinh năm 2000. Địa chỉ: T4, phường N, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn H2, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn T, xã Q, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Tuấn Đ, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Thôn M, xã T, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Hoài T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn B, xã C, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn D, xã NT, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

4. Bà Trần Thị Thu P2, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn P, xã H3, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

5. Bà Ngô Thị Hoài Th, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn L, xã X, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Hữu Trí Th2, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Trường P3, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn B, xã C, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Ông Trần Quốc Đ2, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn E, xã C, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn Đ, xã F, NH, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Hồ Sĩ M. Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường N, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 19/01/2021, Phùng Tuấn H thấy Lê Tuấn Đ - người yêu của Phùng Như P (em gái H) - đi xe mô tô BKS 79N1-777.22 đến nhà P nên sang mượn xe đi chơi. Do Đ đang ngủ nên H hỏi mượn P, ban đầu P không đồng ý nhưng lúc sau vẫn cho H mượn xe đi. Sau đó do không có tiền trả tiền nhậu nên H nảy sinh ý định cầm cổ xe lấy tiền. Chiều ngày 20/01/2021, H nhờ Nguyễn Tấn K mang xe đi cầm cổ nhưng không được vì không có giấy tờ xe, vì thế H nhờ K đi mượn tiền giúp. K mượn Nguyễn Hoài T được 3.000.000 đồng đưa cho H và giữ lại xe mô tô để làm tin. Đến hẹn trả nợ nhưng H không có tiền trả nên K mượn 3.000.000 đồng của mẹ vợ là bà Trần Thị Thu P2 để trả cho T, đồng thời đem xe mô tô đến

gửi cho T cất giữ vì sợ H lấy lại xe mô tô mà không trả tiền. Đến ngày 12/02/2021 T cho Lê Văn T2 mượn xe này sử dụng thì bị Công an xã X phát hiện.

Qua điều tra còn xác định: Khoảng 14 giờ ngày 03/7/2021, Nguyễn Tấn K mượn xe mô tô của anh Nguyễn Trường P3 chở Phùng Tuấn H đi chơi. Khi đi đến T6, phường N, H thấy xe mô tô hiệu Sirius BKS 79H1-577.80 của ông Nguyễn H2 đang dựng ngoài đường không có người trông coi nên kêu K quay xe lại. Khi tới gần, K điều khiển xe đi chậm để H nhảy xuống nơi dựng xe. Thấy trên xe cắm sẵn chìa khóa, H lên xe rồi nổ máy điều khiển xe chạy đi, còn K cũng chạy xe đi về. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô, H điều khiển xe đi đến thôn MT, xã Q tháo biển kiểm soát, chụp hình xe mô tô rồi đăng lên facebook bán cho người đàn ông không rõ lai lịch được 3.000.000 đồng, sau đó chia cho K 1.100.000 đồng, số tiền còn lại H giữ tiêu xài cá nhân.

Tại các bản kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐGTS ngày 15/4/2021, số 104/KL-HĐĐGTS ngày 27/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã NH kết luận: Xe mô tô BKS 79N1-777.22 trị giá 20.046.800 đồng, xe mô tô BKS 79H1-577.80 trị giá 13.605.644 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS-HS ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã NH đã truy tố bị cáo Phùng Tuấn H về các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Tấn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã NH vẫn giữ nội dung cáo trạng truy tố bị cáo Phùng Tuấn H về các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 và “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Tấn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, xử phạt bị cáo Phùng Tuấn H từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, các điều 38, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo H 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng Điều 55 tổng hợp hình phạt của 2 tội danh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung. Đối với bị cáo Nguyễn Tấn K, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 38, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo K 06 đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Trong vụ án “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, Nguyễn Tấn K, Nguyễn Hoài T, Lê Văn T2 có hành vi cầm cố, cất giữ, sử dụng xe mô tô 79N1-777.22 nhưng không biết rõ tài sản do phạm tội mà có nên không chịu trách nhiệm hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

+ Xe mô tô BKS 79N1-777.22 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Lê Tuấn Đ.

+ 01 dữ liệu điện tử được lưu trữ trong đĩa CD kèm theo hồ sơ vụ án.

- Về phần dân sự: Ông Lê Tuấn Đ, bà Phùng Như P không yêu cầu bồi thường, ông Nguyễn H2 đã nhận 12.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường.

- Các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự buộc bị cáo Phùng Tuấn H nộp lại số tiền 1.900.000 đồng, bị cáo Nguyễn Tấn K nộp lại số tiền 1.100.000 đồng thu lợi bất chính sung vào ngân sách nhà nước.

- Về án phí: Các bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận nội dung truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Lời nói lời sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để có cơ hội để sửa chữa những lỗi lầm, sớm trở thành người công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã NH, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã NH, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử xác định ông Lê Tuấn Đ là bị hại, bà Phùng Như P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuy nhiên qua nghiên cứu kỹ nội dung vụ án, Hội đồng xét xử quyết định thay đổi tư cách tham gia tố tụng, xác định bà Phùng Như P là bị hại và ông Lê Tuấn Đ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Các ông bà Nguyễn Hoài T, Lê Văn T2, Trần Thị Thu P2, Ngô Thị Hoài Th, Trần Quốc Đ2) đã nhiều lần được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Xét thấy trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của những người này nên sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho quá trình xét xử. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm

chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phùng Tuấn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Tấn K phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi:

- Đối với hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản: Bị cáo Phùng Tuấn H đã dựa vào mối quan hệ người thân trong gia đình với em gái là Phùng Như P để mượn xe của Lê Tuấn Đ để đi lại. Tuy nhiên sau khi có được tài sản lại nảy sinh ý định chiếm đoạt, nhờ Nguyễn Tấn K mang xe đi cầm cố để có tiền tiêu xài. Sau khi K không cầm xe được, H nhờ K đi vay tiền và cho K giữ xe để làm tin dẫn đến không có khả năng trả xe cho chủ sở hữu.

- Đối với hành vi Trộm cắp tài sản: Bị cáo Phùng Tuấn H là người nhìn thấy sơ sơ hờ của chủ sở hữu tài sản, nói bị cáo K quay xe lại và là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cũng như đem tài sản đi tiêu thụ. Sau khi bán được tài sản, bị cáo H cũng là người lấy nhiều tiền hơn. Hành vi mà các bị cáo Phùng Tuấn H và Nguyễn Tấn K đã thực hiện là có yếu tố đồng phạm, tuy nhiên chỉ mang tính chất giản đơn, không có sự bàn bạc cụ thể. Các bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu một cách bất hợp pháp, đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh trật tự tại địa phương.

Các bị cáo là người đã thành niên, đang trong độ tuổi lao động, đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi và không tu chí làm ăn lương thiện, bất chấp các chế tài của pháp luật mà thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Phùng Tuấn H sau khi thực hiện hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản còn tiếp tục thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện để có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án Trộm cắp tài sản: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn H2 số tiền 12.000.000 đồng. Đồng thời, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng đối với bị cáo K được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội

lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản: Tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu nên bị cáo Phùng Tuấn H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- Xe mô tô BKS 79N1-777.22 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Lê Tuấn Đ là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tiếp tục truy tìm xe mô tô BKS 79H1-577.80, hiệu YAMAHA, loại xe Sirius theo Thông báo truy tìm vật chứng số 32/TB-CSĐT số 04/7/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thị xã NH.

- 01 dữ liệu điện tử được lưu trữ trong đĩa CD chứa dữ liệu video trích xuất từ camera an ninh ngày 04/7/2021 do ông Hồ Sĩ M cung cấp kèm theo hồ sơ vụ án (Bút lục 236 – Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/7/2021 giữa Công an phường N và Công an thị xã NH). Xét thấy đây là nguồn chứng cứ quan trọng, do đó cần tiếp tục được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Lê Tuấn Đ, bà Phùng Như P đã nhận lại tài sản, ông Nguyễn H2 đã nhận bồi thường 12.000.000 đồng và không có yêu cầu gì, do đó Hội đồng xét xử không xét.

[9] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự buộc bị cáo Phùng Tuấn H nộp lại số tiền 1.900.000 đồng, bị cáo Nguyễn Tấn K nộp lại số tiền 1.100.000 đồng thu lợi bất chính sung vào ngân sách nhà nước.

[10] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Tuấn H **01 (một) năm tù** về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điều 38, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Tuấn H **09 (chín) tháng tù** về tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của 2 tội danh, buộc bị cáo Phùng Tuấn H phải chịu hình phạt **01 (một) năm 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;
Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn K **06 (sáu) tháng tù** về tội “Trộm cắp tài sản”.
Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng vụ án:

Tiếp tục lưu giữ 01 dữ liệu điện tử được lưu trữ trong đĩa CD kèm theo hồ sơ vụ án (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/7/2021 giữa Công an phường N và Công an thị xã NH).

3. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Phùng Tuấn H phải nộp 1.900.000 đồng, bị cáo Nguyễn Tấn K phải nộp 1.100.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Phùng Tuấn H, Nguyễn Tấn K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa;
- Công an thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh Huyền